

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 26 - 11 - 2021  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
2. Bà Lê Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-HN ngày 04 tháng 10 năm 2021 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Út V, sinh năm 1982, nơi cư trú: khóm Vĩnh Phước, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lương Sung B, sinh năm 1962, nơi cư trú: 7800 Walkehet DR, Richmond VA 23228, Hoa Kỳ, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn bà Huỳnh Thị Út V trình bày:*

Bà Huỳnh Thị Út V và ông Lương Sung B do quen biết nhau tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được Sở tư pháp tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 221 ngày 09-6-2005. Sau khi kết hôn bà V và ông Lương Sung B sống hạnh phúc, có một con chung là cháu Lương Ngọc H, sinh ngày 28-02-2006. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất hòa về quan điểm, tính tình. Ông Lương Sung B trở về Mỹ, không còn liên lạc với bà V 14 năm nay, bà V yêu cầu ly hôn với ông Lương Sung B.

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu Lương Ngọc H, không yêu cầu ông Lương Sung B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lương Sung B đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 04-8-2021 bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự nhưng đến nay ông Lương Sung B không có ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà V.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà V xin vắng mặt và ông Lương Sung B vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Bị đơn, ông Lương Sung B quốc tịch Hoa Kỳ, cư trú tại: 7800 Walkehet DR, Richmond VA 23228, Hoa Kỳ. Nguyên đơn cư trú tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Út V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Lương Sung B có địa chỉ tại Hoa Kỳ đã được Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa kỳ thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức: Tổng đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang) vào ngày 04-8-2021 nhưng ông Lương Sung B không liên hệ Tòa án và cũng không gửi ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, đồng thời bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

Bà Huỳnh Thị Út V và ông Lương Sung B có quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn được Sở Tư pháp tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết số 221 ngày 09-6-2005 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của nguyên đơn, sau khi kết hôn bà V và ông Lương Sung B hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn: Không hòa hợp về tính tình, bất đồng về quan điểm sống do chênh lệch tuổi tác, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông Lương Sung B trở về Mỹ, từ khi bà Út V mang thai cháu H thì ông không còn liên lạc với bà V 14 năm nay. Về phía bị đơn ông Lương Sung B không gửi ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn cho Tòa án. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, việc bà V yêu cầu ly hôn với ông Luong Sung B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên được chấp nhận. Giấy chứng nhận kết hôn số 221 ngày 09-6-2005 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Cháu Lương Ngọc H, sinh ngày 28-02-2006 hiện do bà Út V nuôi dạy, bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung là phù hợp với ý kiến của cháu H tại bản tự khai ngày 25-11-2021 nên được chấp nhận. Ông Luong Sung B có quyền thăm con chung; Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Bà Út V không yêu cầu ông Luong Sung B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Căn cứ khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.963.840 (đã nộp xong).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Út V.

1. Bà Huỳnh Thị Út V được ly hôn với ông Luong Sung B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 221 ngày 09-6-2005 của Sở Tư pháp tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị Út V được tiếp tục nuôi dạy cháu Lương Ngọc H, sinh ngày 28-02-2006. Ông Luong Sung B được quyền thăm con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Út V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009484 ngày 01-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Út V phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 2.963.840 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bốn mươi) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.020.000 đồng (ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007478 ngày 01-4-2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà V được nhận lại 56.160 đồng (năm mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi đồng).

Bà Huỳnh Thị Út V phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007442 ngày 01-4-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Huỳnh Thị Út V đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Út V là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Thời hạn kháng cáo của ông Luong Sung B là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Dương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Tâm**